SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ ĐÔNG HÒA

Số: 264/QĐ-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Hiệp, ngày 07 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khám sức khỏe toàn dân năm 2026 tại Trung tâm Y tế Đông Hòa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ ĐÔNG HÒA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị Quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 0132/QĐ-UBND ngày 02 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Mua sắm ngày 30/09/2026 của Trung tâm Y tế Đông Hòa.

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-TTYT ngày 01/10/2026 của Trung tâm Y tế Đông Hòa về việc phê duyệt dự toán mua hóa chất, *vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khám sức khỏe toàn dân năm 2026 tại Trung tâm Y tế Đông Hòa.*

Căn cứ tờ trình số 08/TTr-HĐMS ngày 05/10/2026 của Trung tâm Y tế Đông Hòa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khám sức khỏe toàn dân năm 2026 tại Trung tâm Y tế Đông Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hóa chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khám sức khỏe toàn dân năm 2026 tại Trung tâm Y tế Đông Hòa với các nội dung.

(chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng /phó Khoa Dược – TTB - VTYT, Phòng Tài chính- Kế toán, các Khoa, Phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- BGĐ (để biết);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, D-TTB-VTYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ ĐÔNG HÒA

Nguyễn Văn Phất

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ ĐÔNG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-TTYT ngày 07/10/2026 của Trung tâm Y tế Đông Hòa)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
01	Trung tâm Y tế Đông Hòa	Gói thầu số 09-2026/SK: mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 (gồm 26 phần lô, 41 mặt hàng)	mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026	747.671.700 đồng	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh năm 2026-2027	Chào giá trực tuyến rút gọn		30 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định(xét từng phần của gói thầu)	12 tháng	không
	Tổng giá gói thầu:		**747.671.700 đồng** (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm đồng)									

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ ĐÔNG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

PHỤ LỤC II

kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm và thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, khám sức khỏe toàn dân năm 2026 tại Trung tâm Y tế Đông Hòa

(Kèm theo Quyết định số: 264/QĐ-TTYT, ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế Đông Hoà)

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
	I. Hóa chất sử dụng máy sinh hóa Tecom TC-6030L						**143,341,500**
1		Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Thành phần: A. 3 x 100 mL Thuốc thử B. 1 x 5 mL Chuẩn Nồng độ trong dung dịch thuốc thử là: + Đệm phosphate pH 6.8 100 mM + Acid p-hydroxybenzoic 39.5 mM + 4-aminoantipyrine 0.8 mM + Phenol 4.5 mM + Glucose oxidase ≥ 18 KU/L + Peroxidase ≥ 1.1 KU/L + Chất bảo quản và chất ổn định Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 2.0 mg/dL Khoảng tuyến tính: Lên đến 500 mg/dL	ml	**1,800**	3,500	6,300,000
2		Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Thành phần: - A. 3 x 100 mL Thuốc thử - B. 1 x 5 mL Chuẩn Nồng độ: + Đệm Mes pH 6.5 75 mM+ Phenol 6 mM+ 2,4-dichlorophenol 0.2 mM+ 4-aminoantipyrine 0.5 mM + Cholesterol esterase ≥ 500 KU/L + Cholesterol oxidase ≥ 300 KU/L + Peroxidase ≥ 1200 KU/L + Các chất ổn định không phản ứng • Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 2 mg/dL • Khoảng tuyến tính: 700 mg/dL.	ml	**1,800**	5,408	9,734,400

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
3		Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Thành phần: A. 3 x 100 mL Thuốc thử B. 1 x 5 mL Chuẩn Nồng độ: Đệm Pipes pH 6.8: 50 mM; 4-chlorophenol: 4.2 mM; 4-aminoantipyrine: 0.35 mM; ATP: 2 mM; Magnesium aspartate: 40 mM; Glycerol kinase: ≥ 800 U/L; Glycerol-3-phosphate oxidase: ≥ 2000 U/L; Peroxidase: ≥ 500 U/L; Lipase: ≥ 9000 U/L + Các chất ổn định không phản ứng • Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 3.0 mg/dL • Tính tuyến tính: Lên đến 1000 mg Triglyceride/dL.	ml	**1,800**	12,037	21,666,600
4		Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	Thành phần: A. 3 x 100 mL Thuốc thử. B. 1 x 5 mL Chuẩn. Thành phần thuốc thử như sau: Đệm Pipes pH 7.0: 100 mM; 3,5-dichloro-2-hydroxy-sulphonate: 3.2 mM; 4-aminoantipyrine: 0.4 mM; EDTA $Na_2 \cdot 2H_2O$: 0.6 mM; $K_3Fe(CN)_6$: 0.1 mM; Uricase: ≥ 350 U/L; Peroxidase: ≥ 1300 U/L + Các chất ổn định không phản ứng • Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 0.09 mg/dL • Tính tuyến tính: Lên đến 25 mg/dL.	ml	**1,800**	5,735	10,323,000

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
5	**Phần 1. Hóa chất sử dụng máy sinh hóa Tecom**	Thuốc thử chẩn đoán nồng độ LDL Cholesterol	Thành phần: A. 1 x 60 mL Thuốc thử (A) B. 1 x 20 mL Thuốc thử (B) C. 1 x 2 mL Chất hiệu chuẩn LDL-cholesterol đông khô Thuốc thử (A) + Đệm Good's pH 7.0: 100 mM + N-(2-hydroxy-3-sulphopropyl)-3.5-dimethoxyaniline: 0.45 mM + Catalase: ≥ 225 U/L + Cholesterol esterase: ≥ 600 kU/L + Cholesterol oxidase: ≥ 380 kU/L + Các chất ổn định không phản ứng Nồng độ Reagent (B): + Đệm Good's pH 7.0: 100 mM + 4-aminoantipyrine: 1.2 mM + Peroxidase: ≥ 1200 kU/L + Các chất ổn định không phản ứng • Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 4 mg/dL • Tính tuyến tính: 500 mg/dL.	ml	**600**	92,000	55,200,000
6		Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT ALT	Thành phần: A. 2 x 100 mL Dung dịch Enzyme. B. 1 x 50 mL Chất nền lỏng Nồng độ: + Đệm Tris-HCl pH 7.8: 90 mM + L-alanine: 500 mM + α-ketoglutaric acid: 17 mM + NADH: 0.18 Mm; + LDH: ≥ 800 U/L + Các chất ổn định và chất bảo quản. • Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 1 U/L • Tính tuyến tính: Lên đến 500 U/L.	ml	**1,500**	7,480	11,220,000

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
7		Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	Thành phần: A. 2 x 100 mL Dung dịch Enzyme. B. 1 x 50 mL Chất nền lỏng. Nồng độ: + Đệm Tris-HCl pH 7.8: 80 mM + L-aspartic acid: 240 mM + α-ketoglutaric acid: 12 mM + NADH: 0.18 mM ; MDH: ≥ 600 U/L; LDH: ≥ 800 U/L + Các chất ổn định và chất bảo quản. • Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 1.5 U/L • Tính tuyến tính: Lên đến 520 U/L.	ml	**1,500**	7,480	11,220,000
8		Thuốc thử xét nghiệm urea	Thành phần: A. 3 x 50 mL Dung dịch đệm B. 1 x 50 mL Dung dịch enzyme; C. 1 x 5 mL Chuẩn Nồng độ Đệm Tris-HCl pH 7.6: 100 mM; Sodium α-ketoglutarate: 9 mM; ADP: 0.7 mM; NADH: 0.18 mM; Urease: ≥ 7.000 U/L; GLDH: ≥ 2.000 U/L + Các chất ổn định và chất bảo quản • Độ nhạy (Giới hạn phát hiện): 2.5 mg/dL • Tính tuyến tính: Lên đến 300 mg/dL Urea.	ml	**1,500**	7,660	11,490,000
9		Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	Thành phần: • A. 1 x 100 mL Dung dịch acid picric • B. 1 x 100 mL Dung dịch kiềm • C. 1 x 5 mL Chuẩn Thành phần thuốc thử như sau: + Acid picric 24 Mm; Natri carbonat 50 mM	ml	**1,500**	4,125	6,187,500

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
	Phần II. Hóa chất sử dụng máy huyết học Tekcom 5000P						**175,000,000**
10	**Phần 2**	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học. Sử dụng máy huyết học Tek 5000p.Thành phần: Đệm <5,0g/L; NaCl <6,0g/L; Na2SO4 <10,0g/L Quy cách đóng gói tối thiểu: Thùng ≥ 20 lít	Thùng	20	2,500,000	50,000,000
11		Dung dịch phá hồng cầu	Dung dịch dùng để đếm tế bào máu. Sử dụng máy huyết học Tek 5000p Thành phần: C15H34ClN <100g/L; NaCl <8.0g/L Quy cách đóng gói tối thiểu: Chai ≥ 500 ml	Chai	40	2,500,000	100,000,000
12		Dung dịch rửa máy huyết học	Dùng để rửa buồng đếm bạch cầu và hồng cầu Sử dụng máy huyết học Tek 5000p Thành phần: NaCl <5,0g/L; Na2SO4 <9,0g/L -Chất hoạt động bề mặt số lượng phù hợp. - Đệm enzyme sinh học số lượng phù hợp. - Chất sát trùng sinh học Số lượng phù hợp. - Chất ổn định Số lượng phù hợp. Quy cách đóng gói tối thiểu: Hộp ≥ 5 lít	Hộp	10	2,500,000	25,000,000
	Phần III. Hóa chất sử dụng máy Horiba ABX ES60 (có Code)					0	**83,170,000**

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
13	Phần 3	Dung dịch làm sạch máy xét nghiệm huyết học tự động	- Dung dịch trong suốt và không màu đến hơi vàng nhạt. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 3 tháng ở 18-25°C sau khi mở. Có mã code in trên vỏ hộp	Hộp 1L	15	2,350,000	35,250,000
14		Dung dịch pha loãng mẫu dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch trong suốt và không màu. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 6 tháng ở 18-25°C sau khi mở. Có mã code in trên vỏ hộp	Hộp 10L	10	3,420,000	34,200,000

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
15		Dung dịch ly giải hồng cầu dung cho máy phân tích huyết học	- Dung dịch trong suốt và không màu. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 0,1% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 5% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 1 tháng ở 18-25°C sau khi mở. Có mã code in trên vỏ hộp	Hộp 1L	4	3,430,000	13,720,000
	Phần IV. Hóa chất ngoại kiểm						**33,270,000**
16	**Phần 4**	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c Riqas HbA1c	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số.Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.Hộp / (6 x 0,5ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	2	8031000	16,062,000
17		RIQAS Monthly Haematology (Ngoại kiểm huyết học)	Chương trình ngoại kiểm huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT).Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm, phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	4	4302000	17,208,000
	V. Sinh phẩm , thiết bị y tế						**312,890,200**
18	**Phần 5**	Que thử phân tích nước tiểu 11 thông số	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Que	5,000	2,352	11,760,000
19	**Phần 6**	Que thử đường huyết	Sử dung cho máy Accu_check(Active) tại đơn vị hoặc tương đương.	Test	10,000	5,500	55,000,000

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
20	**Phần 7**	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm 5ml. Kim các cỡ 23Gx1"; 25G x 1", sản xuất từ nhựa y tế, Kim thép không gỉ, sắc nhọn, kim các cỡ. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: Việt Nam.	Cây	30,000	819	24,570,000
21	**Phần 8**	Dây Garo	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt. có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần.	Sợi	100	4,290	429,000
22	**Phần 9**	Ống thông tiểu Nelaton 1 nhánh	Các cỡ: 6 - 26: chiều dài ống: 270 - 400mmĐược làm bằng chất liệu cao su thiên nhiên dùng trong y tế, có màu đỏ, có phủ silicon, tròn đều.Có thiết kế 1 nhánh dùng để thông tiểu hiệu quả và nhanh chóng. Không độc hại, không gây kích ứng; Thân ống mềm mại; Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng cái	Ống	500	8,500	4,250,000
23	**Phần 10**	Ống thông tiểu 2 nhánh các số	được làm từ 100% cao su thiên nhiên phủ Silicon dùng trong y tế mềm mại , mịn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân. các số từ 5cc đến 30cc bóng căng đều. Đóng gói riêng lẻ từng túi. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Ống	500	12,600	6,300,000
24	**Phần 11**	Hộp an toàn	Hộp đựng bơm an toàn bằng giấy được làm bằng giấy duplex tráng nhựa giúp chống xuyên thủng KT:160 x125x280 mm, Dung tích 5 lít	Cái	500	25,000	12,500,000
25	**Phần 12 Ống nghiệm**	Ống Nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa, chứa chất kháng đông heparin. Kích thước ống: ≥ Ø12mm x75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	10,000	900	9,000,000
26		Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm nhựa, chứa chất kháng đông EDTA K2. Kích thước ống: ≥ Ø12mm x75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	10,000	780	7,800,000
27	**Phần 13**	Cồn 70 độ	Cồn Ethanol 70 độ, không màu trong suốt, có mùi cồn đặc trưng Quy cách đóng gói: Chai 500ml	Chai	500	30,000	15,000,000

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
28	**Phần 14**	Gel siêu âm	Gel siêu âm gồm các thành phần: Carbomer, nước, Propylen Glycol, Glycerin, chất bảo quản (Sodium Benzoate). Không có formaldehyde, vô khuẩn, Can 5 lít	Lít	50	26,000	1,300,000
29	**Phần 15**	Gel đo điện tim	Gel phù hợp điện cực máy điện tim, thành phần: Deionized Water, Carbomer, TriEthanol Amine, MonoPropylene Glycol, Benzyl Alcohol, Methylcloroisothi azolinone, Methyllisothiazolinone. - Chai: 250ml; Tiêu chuẩn ISO13485	Chai	50	16,380	819,000
30	**Phần 16**	Nước sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine 0.5%, Ethanol. Chai 500ml	Chai	500	51,000	25,500,000
31	**Phần 17**	Cloramin B	Bột chloramin B 25% máu trắng, mịn dùng để sát khuẩn, quy cách thùng 25kg	kg	500	200,000	100,000,000
32	**Phần 18**	Găng tay rời	Găng tay y tế (Găng tay y tế có bột), Các size: M,L,XL - Hộp 50 đôi Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Đôi	10,000	1,500	15,000,000
33	**Phần 19**	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 03 lớp vải không dệt và ở giữa là lớp kháng khuẩn. Tiệt trùng bằng khí EO. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001	Đôi	10,000	630	6,300,000
34	**Phần 20 hóa chất sản khoa**	Dung dịch Acid Acetic	Dung dịch chứa Acid acetic 3%. 500ml/ chai	Chai	2	84,000	168,000
35		Dung dịch Lugol	Thành phần gồm: Iodine 15g, Kali Iodua 30g. Tiêu chuẩn cơ sở Chai 500ml	Chai	2	697,500	1,395,000

STT	Phần gói thầu	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối	Đơn giá	Thành tiền
36	**Phần 21**	Đầu kim cho bút bấm đường huyết mao mạch	Kim lấy máu dạng gắn bút, Thiết kế bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, tiệt trùng, dùng kèm bút chích máu, bút chích máu điều chỉnh được 13 mức độ nông sâu của bút tùy vào độ dày mỏng của da bệnh nhân. - Đầu kim siêu nhỏ với lớp phủ silicon làm giảm đau khi đo. - Kích cỡ kim: 30G - Đạt chứng chỉ ISO. - Sử dụng cho bút lấy máu của máy Accu_check (Active)	Cái	15,000	340	5,100,000
37	**Phần 22**	Kim Lance lấy máu	Kim chích máu vô khuẩn, được làm từ thép không gỉ, dùng 1 lần	Cây	5,000	180	900,000
38	**Phần 23**	Băng keo cá nhân	Băng keo cá nhân; Quy cách: Hộp 100 miếng	Cái	10,000	654	6,540,000
39	**Phần 24**	Túi máu	Quy cách 70x105cm, dung tích 2000ml, chất liệu: màng nhựa PE trong.thiết kế lót dưới mông sản phụ, có băng keo dính giúp không tuột, có vạch chia để do dung tích máu sau sinh (từ 250 ml đến 2000 ml). Tiệt trùng	Cái	200	6,615	1,323,000
40	**Phần 25**	Huyết áp kế trẻ em	Khoảng đo: từ 0 đến 300mmHg * Đồng hồ đo áp lực: có kim định vị ở mức số không (0) *Độ chính xác: ± 3mmHg *Hệ thống bơm khí: vòng hơi được làm bằng vải may viền có túi hơi cao su bên trong, quả bóp cao su có van điều chỉnh	Cái	2	780,000	1,560,000
41	**Phần 26**	Cồn acid	Dùng trong xét nghiệm nhuộm soi vi khuẩn lao (AFB), có nồng độ axit hydrochloric (HCl) khoảng 3% trong cồn (ethanol). Đạt tiêu chuẩn ISO.	Chai	1	376,200	376,200
	Tổng cộng: 41 khoản						**747,671,700**

(Bảy trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm đồng)